

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2022/NQ-HĐND

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự
các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo
trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;
Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn Nhà nước;
Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh “về việc thông qua dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”; báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu:

a) Quy định mức tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi do địa phương chủ trì thực hiện (*gọi tắt là các nhiệm vụ thi ở địa phương*), gồm: Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa, chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; công tập huấn các đội dự tuyển, đội tuyển quốc gia; dự thi Olympic quốc tế và khu vực.

b) Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, gồm: Thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, Tổng phụ trách Đội giỏi, Thư viện trường học giỏi; thi khoa học kỹ thuật học sinh phổ thông; thi vở sạch chữ đẹp; thi văn hay chữ tốt; Bé thông minh sáng tạo, Bé khéo tay, nhanh trí; Hội thi giáo dục an toàn giao thông; thi thử tốt nghiệp trung học phổ thông (*cấp tỉnh, cụm trường*), thi chọn học sinh giỏi cấp trường, thi tuyển sinh các lớp chất lượng cao, các kỳ kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ tập trung.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh, cấp huyện, các cơ sở giáo dục công lập, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Nội dung và mức chi

1. Nội dung và mức chi để chuẩn bị, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 điều 1 nghị quyết này, như sau:

a) Mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo Phụ lục I ban hành kèm theo nghị quyết.

b) Mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ tổ chức kỳ thi tuyển sinh đầu cấp theo Phụ lục II ban hành kèm theo nghị quyết.

c) Mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ tổ chức kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa, chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia theo Phụ lục III ban hành kèm theo nghị quyết.

d) Nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi (*Thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, Tổng phụ trách Đội giỏi, Thư viện trường học giỏi*) theo Phụ lục IV ban hành kèm theo nghị quyết.

đ) Nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi (*Cuộc thi khoa học kỹ thuật học sinh phổ thông; Thi vở sạch chữ đẹp; Thi văn hay chữ tốt; Bé thông minh sáng tạo, Bé khéo tay, nhanh trí; Hội thi giáo dục an toàn giao thông và một số cuộc thi, hội thi khác trong lĩnh vực giáo dục*) theo Phụ lục V ban hành kèm theo nghị quyết.

e) Nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi (*Thi thử tốt nghiệp trung học phổ thông, tuyển sinh các lớp chất lượng cao và các kỳ kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ tập trung*) theo Phụ lục VI ban hành kèm theo nghị quyết.

2. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại trong nước của những người tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi (*nếu có*), giáo viên (*nếu có*) và học sinh các đội dự tuyển quốc gia trong quá trình tập huấn để tham dự các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế: Thực hiện theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh “*về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND).

3. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly.

a) Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách: Mức chi bằng 150% mức chi quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND.

b) Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian cách ly còn lại (*cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách*): Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND.

4. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi (*nếu có*), giáo viên (*nếu có*) và học sinh các đội dự tuyển quốc gia trong quá trình tập huấn để tham dự các kỳ thi quốc gia, Olympic khu vực và quốc tế: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND.

5. Các nội dung, mức chi không quy định tại nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

6. Mức chi quy định tại điều này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức chi tiền công cao nhất.

7. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách Nhà nước (*kinh phí chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề*) hàng năm theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành đối với các nội dung, công việc do tỉnh/huyện tổ chức thực hiện. Đối với các nội dung, công việc do các cơ sở giáo dục công lập tổ chức thực hiện thì tự cân đối chi từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên được giao trong dự toán năm.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 5. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu khóa X, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu (NH). *llh*



Lữ Văn Hùng



Phụ lục I

**Quy định mức chi tiêu công cho các chức danh là thành viên
thực hiện các nhiệm vụ thi kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND
ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
1	Ban Chỉ đạo thi			
	Trưởng ban	Người/ngày	500	
	Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	400	
	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	200	
2	Hội đồng thi			
	Chủ tịch	Người/ngày	500	
	Phó Chủ tịch	Người/ngày	450	
	Ủy viên	Người/ngày	400	
3	Ban Thư ký Hội đồng thi			
	Trưởng ban	Người/ngày	500	
	Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
	Ủy viên	Người/ngày	400	
4	Hội đồng/Ban in sao đề thi			
	Chủ tịch/Trưởng ban làm việc cách ly (vòng 1)	Người/ngày	500	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban làm việc cách ly (vòng 1)	Người/ngày	450	
	Ủy viên, Thư ký làm việc cách ly (vòng 1)	Người/ngày	400	
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly (vòng 2)	Người/ngày	350	
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc vòng ngoài (vòng 3)	Người/ngày	200	
5	Ban vận chuyển, bàn giao đề thi			
	Trưởng ban	Người/ngày	450	
	Phó Trưởng ban	Người/ngày	400	
	Ủy viên, công an	Người/ngày	300	
6	Hội đồng/Ban coi thi			
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	500	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
	Trưởng Điểm thi	Người/ngày	450	Theo Quy chế thi TN THPT của Bộ GDĐT
	Phó Trưởng Điểm thi	Người/ngày	400	
	Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	350	
	Công an trực bảo vệ 24 giờ/ngày	Người/ngày	300	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	200	
7	Ban/Tổ làm phách			
	Trưởng ban/Tổ trưởng làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	500	
	Phó Trưởng ban/Tổ phó làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	450	
	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	350	
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	300	
	Công an trực bảo vệ 24 giờ/ngày	Người/ngày	300	
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc vòng ngoài	Người/ngày	200	
8	Tổ chức chấm thi			
a	Hội đồng/Ban: chấm thi tự luận, trắc nghiệm/ chấm phúc khảo bài thi tự luận, trắc nghiệm/ chấm thẩm định bài thi			
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	500	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	350	
	Công an trực bảo vệ 24 giờ/ngày	Người/ngày	300	
	Bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	200	
b	Tiền công chấm bài thi			
	Chấm bài thi tự luận, bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	450	
	Quy định số lượng bài thi mỗi cán bộ chấm thi phải hoàn thành trong một ngày như sau:			
	- Bài thi tự luận: 30 bài/ngày			
	- Bài thi trắc nghiệm: 450 bài/ngày (<i>áp dụng đối với tổ chấm bài thi</i>)			
	- Đối với chấm phúc khảo, tùy theo số lượng bài chấm thực tế, nếu dưới số lượng bài chấm theo quy định trên thì tính tối thiểu là 01 ngày			
c	Tiền công cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt chấm thi	300	
9	Thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau kỳ thi (Chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiểm nhiệm)			
	Trưởng đoàn	Người/ngày	450	
	Đoàn viên thanh tra	Người/ngày	350	
	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	400	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục II

**Quy định mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên
thực hiện các nhiệm vụ tổ chức kỳ thi tuyển sinh đầu cấp**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND
ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)		Ghi chú
			THPT	THPT Chuyên	
1	Ban Chỉ đạo/Ban tổ chức (nếu có)				
	Trưởng ban	Người/ngày	400	400	
	Phó Trưởng ban	Người/ngày	360	360	
	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	320	320	
2	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi				
a	Xây dựng, phê duyệt ma trận đề thi, bản đặc tả đề thi				
	- Chủ trì	Người/ngày	400	400	
	- Thành viên	Người/ngày	350	350	
b	Tiền công soạn thảo, thẩm định, chuẩn hóa câu hỏi				
	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Câu	40	60	Từ 60- 80% mức chi theo điểm c khoản 9 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT- BTC
	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	40	50	
	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	40	40	
	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau thử nghiệm đề thi	Câu	28	28	
	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	8	8	
3	Tiền công ra đề thi				
a	Hội đồng/Ban ra đề, in sao đề thi				
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	400	400	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	340	360	
	Ủy viên, Thư ký vòng trong (24/24h)	Người/ngày	300	320	
	Ủy viên, Thư ký vòng ngoài	Người/ngày	240	240	
	Công an, bảo vệ, phục vụ vòng ngoài	Người/ngày	160	160	
b	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận (chỉ áp dụng cho các môn thi không có ngân hàng câu hỏi)	Đề/môn	420	480	70 - 80% điểm b khoản 8 Điều 8 Thông tư 69
c	Tiền công cho người ra đề thi chính thức và dự bị (gồm: đề tự luận, trắc nghiệm, thực hành có kèm theo đáp án, biểu điểm)	Người/ngày	450	500	
4	Hội đồng/Ban coi thi				
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	400	400	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	360	360	
	Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	280	280	
	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	160	160	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)		Ghi chú
			THPT	THPT Chuyên	
5	Tổ chức chấm thi				
a	Hội đồng/Ban: chấm thi/chấm phúc khảo, chấm kiểm tra bài thi				
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	400	400	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	360	360	
	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	280	280	
	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	160	160	
b	Tiền công chấm bài thi				
	Chấm tự luận, trắc nghiệm tuyển sinh các lớp đầu cấp	Người/ngày	400	400	
	Quy định số lượng bài thi mỗi cán bộ chấm thi phải hoàn thành trong một ngày như sau:				
	- Bài thi tự luận môn chuyên: 20 bài/ngày				
	- Bài thi tự luận môn không chuyên: 30 bài/ ngày				
	- Bài thi trắc nghiệm: 450 bài/ngày (<i>áp dụng đối với tổ chấm bài thi</i>)				
	Tuỳ theo số lượng bài chấm thực tế, nếu dưới số lượng bài chấm theo quy định thì tính tối thiểu là 01 ngày				
c	Tiền công cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt chấm thi	240	240	
6	Thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau kỳ thi (Chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm)				
	Trưởng đoàn	Người/ngày	360	360	
	Đoàn viên thanh tra	Người/ngày	280	280	
	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	320	320	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục III

**Quy định mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên
thực hiện các nhiệm vụ tổ chức kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND
ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)				Ghi chú
			Cấp quốc gia	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp trường	
1	Ban Chỉ đạo/Ban tổ chức (nếu có)						
	Trưởng ban	Người/ngày		400	300		
	Phó Trưởng ban	Người/ngày		360	280		
	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày		320	250		
2	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi						
a	Xây dựng, phê duyệt ma trận đề thi, bản đặc tả đề thi						
	- Chủ trì	Người/ngày		400	300	200	
	- Thành viên	Người/ngày		360	280	180	
b	Tiền công soạn thảo, thẩm định, chuẩn hóa câu hỏi						
	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Câu		60	45	30	Từ 70- 85% mức chi theo điểm c khoản 9 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT- BTC
	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu		50	40	28	
	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu		40	30	20	
	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau thử nghiệm đề thi	Câu		30	25	17	
	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu		8	7	5	
3	Tiền công ra đề thi						
a	Hội đồng/Ban ra đề, in sao đề thi						
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày		400	300	200	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày		360	280	180	
	Ủy viên, Thư ký vòng trong (24/24h)	Người/ngày		320	250	170	
	Ủy viên, Thư ký vòng ngoài	Người/ngày		240	190	130	
	Công an, bảo vệ, phục vụ vòng ngoài	Người/ngày		160	120	80	
b	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận (chỉ áp dụng cho các môn thi không có ngân hàng câu hỏi)						Từ 50 - 70% mức chi theo điểm b khoản 8 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT- BTC
	Thi chọn học sinh giỏi THCS	Đề/môn		500	400	280	
	Thi chọn học sinh giỏi THPT	Đề/môn		600		400	
	Thi chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia	Đề/môn		600			
c	Tiền công cho người ra đề thi chính thức và dự bị (gồm: đề tự luận, trắc nghiệm, thực hành có kèm theo đáp án, biểu điểm)	Người/ngày		750	600	400	
4	Hội đồng/Ban coi thi						
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày		500	400	300	200
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày		450	360	280	180
	Ủy viên, Thư ký, Giám thị	Người/ngày		350	280	220	150
	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày		200	160	120	80

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)				Ghi chú
			Cấp quốc gia	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp trường	
5	Ban/Tổ làm phách						
	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày		400	300	200	
	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày		360	280	180	
	Ủy viên, thư ký	Người/ngày		280	220	150	
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày		160	120	80	
6	Tổ chức chấm thi						
a	Hội đồng/Ban: chấm thi tự luận, trắc nghiệm/ chấm phúc khảo bài thi tự luận, trắc nghiệm/ chấm thẩm định bài thi						
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày		400	300	200	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày		360	280	180	
	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, giám sát	Người/ngày		280	220	150	
	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày		160	120	80	
b	Tiền công chấm bài thi						
	Chấm tự luận, trắc nghiệm, thi nói, bài thi thực hành	Người/ngày		400	320	220	
	Quy định số lượng bài thi mỗi cán bộ chấm thi phải hoàn thành trong một ngày như sau:						
	Bài thi tự luận: 10 bài/ngày						
	Bài thi nói (05 phút): 30 bài/ngày						
	Tùy theo số lượng bài chấm thực tế, nếu dưới số lượng bài chấm theo quy định thì tính tối thiểu là 01 ngày						
c	Tiền công cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt chấm thi		300	240	190	
7	Thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau kỳ thi (Chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm)						
	Trưởng đoàn	Người/ngày	450	360	280		
	Đoàn viên thanh tra	Người/ngày	350	280	220		
	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	400	320	250		
8	Công tác tập huấn các đội dự tuyển, đội tuyển và tham dự các kỳ thi						
	Cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	150	120	90		
	Biên soạn và giảng dạy lý thuyết	Tiết	300	240	190	130	
	Biên soạn và giảng dạy thực hành	Tiết	400	320	250	170	
	Trợ lý thí nghiệm, thực hành	Tiết	150	120	90	60	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



Phụ lục IV

Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi:

Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, tổng phụ trách đội giỏi, thư viện giỏi

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **07**/2022/NQ-HĐND
ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp trường	
1	Ban Chỉ đạo/Ban tổ chức (nếu có)					
	Trưởng ban	Người/ngày	400	300		
	Phó Trưởng ban	Người/ngày	360	280		
	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	320	250		
2	Tiền công ra đề thi					
a	Hội đồng/Ban ra đề, in sao đề thi					
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	400	300	200	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	360	280	180	
	Ủy viên, Thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	320	250	170	
	Bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	160	120	90	
b	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận kèm đáp án, biểu điểm	Đề/môn	500	360	280	Từ 60 - 80% theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC
c	Tiền công cho người ra đề thi chính thức và dự bị (gồm: đề tự luận, trắc nghiệm, thực hành có kèm theo đáp án, biểu điểm)	Người/ngày	360	280	220	
3	Hội đồng/Ban coi thi					
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	400	300	200	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	360	280	180	
	Ủy viên, Thư ký, giám thị, kỹ thuật viên	Người/ngày	280	220	150	
	Bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	160	120	90	
4	Tổ chức chấm thi					
a	Hội đồng/Ban chấm thi					
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	400	300	200	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	360	280	180	
	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	280	240	150	
	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ	Người/ngày	160	120	90	
b	Tiền công chấm bài lý thuyết, thực hành					
	Chấm thi lý thuyết bài thi tự luận: 15 bài/ngày	Người/ngày	360	280	200	
	Phần thực hành (chấm dự thi thực hành 03 tiết/ngày/giám khảo)	Người/ngày	360	280	200	
	Chấm sáng kiến kinh nghiệm: 03 bài/ngày	Người/ngày	360	280	200	

Phụ lục V

Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi:
cuộc thi khoa học kỹ thuật học sinh phổ thông; thi võ sạch chữ đẹp; thi văn hay chữ tốt;
bé thông minh sáng tạo, bé khéo tay, nhanh trí; hội thi giáo dục an toàn giao thông
và một số cuộc thi, hội thi khác trong lĩnh vực giáo dục

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND
ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp trường	
1	Ban Chỉ đạo/Ban tổ chức (nếu có)					
	Trưởng ban	Người/ngày	400	300		
	Phó Trưởng ban	Người/ngày	360	280		
	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	320	250		
2	Tiền công ra đề thi					
a	Hội đồng/Ban ra đề, in sao đề thi					
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	400	300	200	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	360	280	180	
	Ủy viên, Thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	280	220	150	
	Bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	160	120	90	
b	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận kèm đáp án, biểu điểm	Đề/môn	400	320	250	Từ 60 - 80% theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC
c	Tiền công cho người ra đề thi chính thức và dự bị (gồm: đề tự luận, trắc nghiệm, thực hành có kèm theo đáp án, biểu điểm)	Người/ngày	360	280	220	
3	Hội đồng/Ban coi thi					
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	400	300	200	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	360	280	180	
	Ủy viên, Thư ký, giám thị, Kỹ thuật viên	Người/ngày	280	220	150	
	Bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	160	120	90	
4	Hội đồng/Ban chấm thi					
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	400	300	200	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	360	280	180	
	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, giám khảo	Người/ngày	280	220	150	
	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ	Người/ngày	160	120	90	



Phụ lục VI

**Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi:
tổ chức tuyển sinh các lớp chất lượng cao (CLC), thi thử tốt nghiệp THPT
và các kỳ kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ tập trung**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND
ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)						Ghi chú
			Tuyển sinh các lớp CLC	Thi thử tốt nghiệp THPT		Các kỳ kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ tập trung			
				Cấp tỉnh	Cụm trường	Cấp tỉnh	Cấp huyện		
1	Tiền công ra đề thi								
a	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận kèm đáp án, biểu điểm	Đề/môn	420	420	300	360	300	Từ 50 - 70% Thông tư số 69/2021/TT-BTC	
b	Ra đề chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm	Người/ngày	450	300	210	270	210		
c	Hội đồng/Ban ra đề, in sao đề thi								
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	360	350	250	300	240		
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	320	300	210	270	210		
	Ủy viên, Thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	290	210	150	180	150		
	Bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	220	140	100	120	100		
2	Hội đồng/Ban coi thi								
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	360	300	240				
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	320	270	210				
	Ủy viên, Thư ký, giám thị, kỹ thuật viên	Người/ngày	250	240	180				
	Bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	140	120	100				
3	Tổ chức chấm thi, kiểm tra								
a	Hội đồng/Ban chấm thi/chấm kiểm tra bài thi								
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	360	300	240				
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	320	270	210				
	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	250	240	180				
	Bảo vệ, y tế, nhân viên phục vụ	Người/ngày	140	120	100				
b	Tiền công chấm bài thi								
	Chấm tự luận, trắc nghiệm	Người/ngày	360	300	240				
	Quy định số lượng bài thi mỗi cán bộ chấm thi phải hoàn thành trong một ngày như sau:								
	- Bài thi tự luận: 30 bài/ngày								
	- Bài thi trắc nghiệm: 450 bài/ngày (áp dụng đối với tổ chấm bài thi)								
	Tùy theo số lượng bài chấm thực tế, nếu dưới số lượng bài chấm theo quy định thì tính tối thiểu là 01 ngày								
c	Tiền công cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt chấm thi	240	240	180				